

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Minh Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2022/TLST–HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Minh T, sinh năm 1994, cư trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Thu S, sinh năm 1995, cư trú tại: ấp Th, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Minh T trình bày:* Anh và bị đơn chị Hồ Thị Thu S kết hôn vào năm 2021, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2021, đăng ký ngày 30/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống của vợ chồng anh không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong lối sống, tính cách nên thường cãi nhau. Vợ chồng anh chỉ chung sống với nhau được 01 tháng thì chị S bỏ về nhà cha mẹ chị S ở và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh thấy hôn nhân giữa anh và chị S không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị S. Về con chung: anh và chị S không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn chị Hồ Thị Thu S đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn anh Bùi Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Hồ Thị Thu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh T và chị Hồ Thị Thu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2021 đúng với quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị S do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhằm tạo điều kiện cho anh T và chị S tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị S vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh T. Còn anh T kiên quyết ly hôn với chị S. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị S đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T đối với chị S.

[4] Về con chung: Anh T trình bày anh và chị S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày anh và chị S không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Bùi Minh T đối với bị đơn chị Hồ Thị Thu S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Minh T và chị Hồ Thị Thu S.

Về án phí: Anh Bùi Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004700 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND Đ, huyện C  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2021);
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Minh Hiệp**





